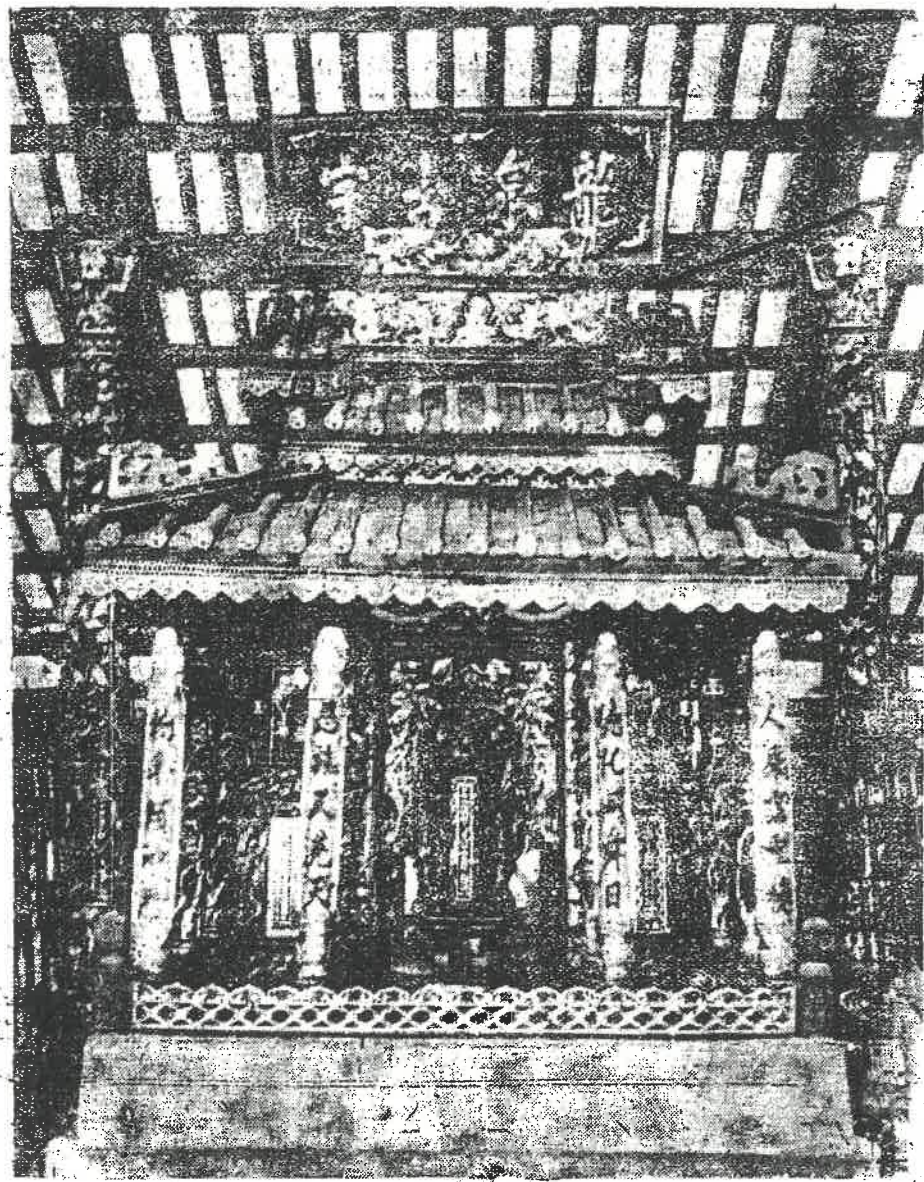




COTAB VIRGINIE



LIỄ KHUYẾN NÔNG



Miếu thờ Thần Nông ở làng Long-tuyền (Cần-thơ) P.V.N

L
E
K
H
U
Y
E
N
N
O
N
G

TRONG chương-trình Pháp-Việt Phục-Hung, sự cải-lương nông-nghiệp và ủng-hộ nông-dân là những khoản trong yếu cần phải thi hành, bởi vì nông-nghiệp là nền-tảng của kinh-tế quốc-gia, nông-dân là cột xương của bảo-thủ cương-giới.

Hồi thế-kỷ 17, vua Henri IV cử Sully làm lễ Tướng, để chấn-hưng nông-nghiệp, nhờ vậy mà nước Pháp trở nên phú cường.

Hồi thế-kỷ 18, Nguyễn-vương Gia-Long cũng nhờ các văn-thần chăm lo khuyến nông, nên binh lương mới được phong phú mà đánh dẹp Tây-sơn, dựng xây đế-nghiệp.

Quyết thi-hành triệt để cải chương-trình phục-hưng ấy nơi xứ này, Chánh-phủ định lập mỗi năm một cuộc Lễ khuyến-nông để thi-nhiệm những thể-thức cải-lương, nông-nghiệp và để khuyến-thưởng các nông dân đã cần cần với chức-nghiệp.

Ở Nam kỳ định mỗi năm ngày rằm tháng ba, theo âm-lịch, là ngày Lễ Khuyến-nông. Năm nay ngày ấy nhằm ngày 7 Avril. Trong ngày này là ngày Lễ Khuyến-nông đầu tiên ở Nam-Kỳ, đến đến của trên thiết cho ra về long-trọng đặc biệt; ở các tỉnh thành thì có những cuộc triển lãm về nông-nghiệp như lúa gạo, hoa quả, khi cụ cùng vác vật, còn ở đình-thần trong các hương thôn thì có lễ cúng tế Thần-nông.

Lễ tế Thần-nông là tục-lễ của người Nam, tục-lễ ấy do tổ-phụ lưu truyền từ ngàn xưa. Chúng ta thấy ở trong các làng, hệ trước đình thờ thần, thì chỗ nào cũng có xây một bàn thờ Thần-Nông riêng ngoài trời, để cúng tế mỗi năm hai lễ: Thượng-điền và Hạ-điền.

Bàn thờ Thần-Nông xây bằng gạch, ở ngay trước đình, hoặc lớn hoặc nhỏ, không hạn định, hệ cao lồi một thước, phía sau lại có xây một tấm bình-phông lại có đắp hai chữ Thần-Nông thiết lớn. Đến ngày cúng tế thì hương chức vôi điền chủ trên thiết xôi thịt, bánh trái, nhàn nhàn lên trên cái bàn đó mà cúng. Đấy có làng Long Xuyên (Bình-Thủy), Cần'ho, 'hi không xây bàn Thần-Nông đơn-sơ giản-tiện như vậy, lại có cái lư xưa một miếng-võ rất trang-nghiêm lộng-lẫy theo như hình dáng ngoài bìa sổ báo này.

Lễ tế Thần-Nông là lễ của Nho-giáo. Theo kinh sử của Nho-giáo, thì đời thượng-cổ Viêm-Đế, tánh Khương, 'hau thế cho dòng Phục-Hi mà trị vì thiên-hạ. Viêm-Đế bắt đầu dạy dân cấy bừa gieo trồng, lập ra nghề nông, nên xưng là Thần-Nông-thị. Viêm-Đế lại còn bêu kiếm bá thảo để làm thuốc mà trị bệnh cho dân và lập ra chợ búa để cho dân có chỗ buôn bán thuận-tiện. Vua trị vì đến 140 năm mọi băng, truyền ngôi cho con cháu đến 8 đời, cộng 520 năm.

Về sau người ta nhớ công đức khai-siêng nông-nghiệp của vua Thần-Nông, nên người ta phụng thờ, kính thu cúng lễ, trong Thần-nông là thi-lễ của nông-nghiệp. Theo tục xưa bên Tàu, ngày tế Thần-nông thì « Đễ thần canh, Hân thân tâm », nghĩa là Hoàng-đế thân hành ra ruộng mà cấy, còn Hoàng-hậu thân hành săn-sóc tâm-lơ.

Nước-Nam từ xưa hỗn tho nân-hoá Nho-giáo, tự nhiên cũng tế Thần-nông theo tục-lễ ấy. Thuở trước, đến ngày tế Thần-Nông thì ở kinh-đô vua ra cây tịch-điền, còn ở các tỉnh thì quan tỉnh cũng cúng và cấy, sai diện cho vục.

Trong Nam-kỳ từ khi Pháp thuộc thì sự cúng tế Thần-Nông về phần hương-chức trong làng lo. Hương-chức cũng theo lễ Thượng-điền Hạ-điền mà thôi, chỉ không có cây tịch-điền mà ở Trung kỳ và Bắc kỳ tục cấy tịch-điền cũng bỏ đã lâu rồi. Năm nay ở Trung-kỳ lập lễ Khuyến-nông lại, lễ ấy định vào ngày lập-xuân, 12 tháng giêng theo âm lịch. Hôm cử hành lễ ấy ở các tỉnh quan tỉnh, có cây tịch-điền.

Trong 85 năm sau đây, ở Nam-kỳ, tục sùng bái thi-lễ nghề nông tuy không bỏ dứt, song cách siêng hái lần lên có vẻ lờnh-đem và mỗi nơi làm theo một thể-thức riêng. Có nhiều làng cúng Thần-nông thì nhập cúng chung một ngày với Bồn-cánh Thành-hoà, thành ra lễ cúng Thần-nông là lễ phụ của lễ cúng thần ở đình. Mà cùng đình thì mỗi làng cử hành ngày tháng khác nhau, thành thử lễ Thần-nông trong xứ không đồng một ngày được. Trong nhiều làng khác, điền-chủ

(Coi tiếp trang 19)

NHÀ NÔNG

Dã lâu rồi tôi được nghe một nhà nữ-sĩ tài-hoa nói một câu này: « Mỗi ngày ta đều phải ăn, nhưng nhiều khi trong bữa ăn ta không nghĩ đến cái việc ta đương ăn. »

Trước kia tôi phục lời nói đó lắm. Tôi phục vì tôi biết nữ-sĩ là một người đa tư-lự, nhiều sâu-căm, thường để tâm-hồn vào những chuyện cao hơn các vấn-đề y-thực. Trong buổi ăn mà còn nghĩ đến câu thơ còn bỏ dở, bài văn chưa viết xong, thì thiết gì đến miếng ăn và miếng uống.

Nhưng càng đi sâu vào đời, càng trải qua những cảnh khó sống, càng thấy những lam-tham cơ-cực của người đời, tôi càng thấy rõ cái giá-trị của hạt cơm, manh-áo, rồi tôi không còn tâm-phục những lời nói của nữ-dông-nghiệp của tôi.

Bà ở trong số những người phong-lưu dư-dã nên bà không biết đến cái khổ của những kẻ đói cơm thiếu áo, và những nhu-cầu của phần nhơn-loại đau thương.

Từ ngày có chiến-tranh tới giờ, chính ở nước ta cũng đã nhiều nhà tư-bôn phải quan-tâm, đến những vấn-đề mà trước đây họ vẫn cho là tầm-thường nhỏ-nhặt.

Không, Tiền-bạc không nuôi sống được ai cả. Năm trên đồng vàng ta có thể chết đói được, nếu không có công-phu, huyết-hân của bao kẻ đã cung cho ta cơm ăn, áo mặc, nhà ở, đồ dùng.

Ta hay nói tới thiên-chức của nhà văn-hào, của nhà chánh-trị, sao ta lại không nói tới cái thiên-chức của dân thợ, dân cấy?

Mỗi khi đi qua những ruộng lúa xanh tươi liên-tiếp tới chun trời thăm-thăm, ta nên tưởng-tượng đến những thuở xa-xăm mà ở đó còn là những miếng đất hoang-vu đầy những cây rừng, cỏ dại.

Một lớp người khai-phá chết đi. Một lớp sau kế nghiệp.

Trải qua bao nhiêu thế-hệ cần-lao, đất mới trở nên phì-nhiều để uơm những hạt giống, để ra lúa gạo mà nuôi sống người đời.

Thị-hào Lamartine đã viết một bài trường-ca Jocelyn để ca-ngợi cái công-đức của những nhà làm ruộng. Có đoạn ông nói người ta đã phải 'âm-mở-hỏi' cho đất được mềm, người là con, đất là mẹ, con đã rạch lòng mẹ để uơm mầm hoa trái, con đã cần vụ mẹ cho sửa chảy ròng ròng, mẹ khóc mà con được nuôi sống v.. v...

Đó là tôi dịch đại-ý ở những câu cảm-tú mà tôi xin trích theo đây để các bạn thường-thức:

*O travail, sainte loi du monde,
Ton mystère va s'accomplir;
Pour rendre la glèbe féconde.*



Ơn trời mưa nắng phải thì
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cấy sâu

*De sueur il faut l'amollir!
L'homme, enfant et fruit de la terre,
Ouvre les flancs de cette mère
Où germent les fruits et les fleurs;
Comme l'enfant mord la mamelle
Pour que le lait monte et ruisselle
Du sein de sa nourrice en pleurs.*

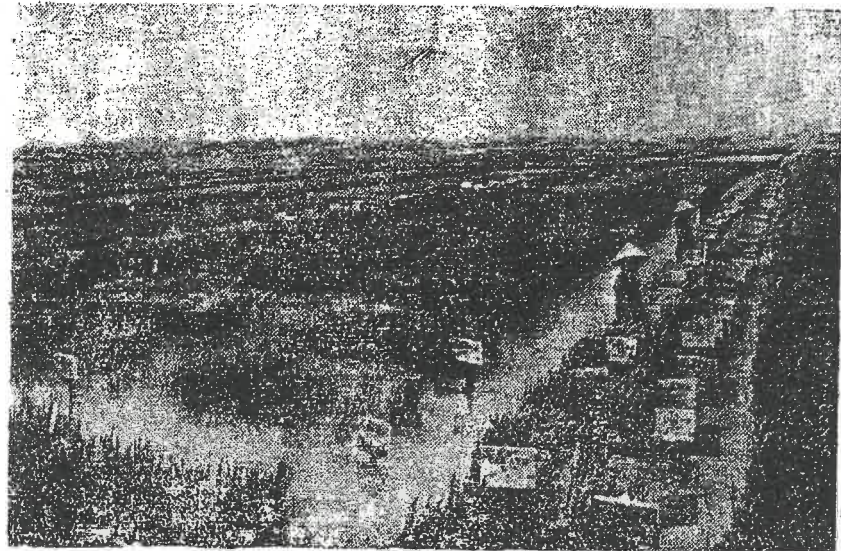
Tuy nhiên, đứa con nit bú mẹ là tọa-hương kỹ-thành, còn người nông-phu thì phải cần-lao tằn-khổ suốt đời để rút ở đất lên những hoa-mẫu dặng nuôi sống bao người trong thiên-hạ.

Chun họ cứng vì đập đất, tay họ chai bởi cặm cày. Người họ nhuộm màu đất, nhưng hồn họ cũng say vì đất. Hết thầy đối với họ đều như

có một linh-hồn, vì họ đã ký gởi linh-hồn của họ vào những cánh mà họ thấy mỗi ngày, những đờ mà họ dùng mỗi bữa, những con vật hiền-lành, những bạn cần-lao đặc-lực mà họ âu-yếm như con.

Vợ giúp chồng, con giúp cha, anh em giúp nhau chưa đủ, họ phải cần đến bạn ở nhiều

hầu hết đều lấy đó làm quê-hương, mà không nỡ dứt tình đi đâu nữa. Hết thế-hệ này qua thế-hệ khác, nhờ sự sống chung, nhờ những liên-lạc bằng hôn-phối, và thứ nhất là nhờ sức chi-phối của đất nước, mà hết thấy đều có những tánh-tình, ngôn-ngữ, những phong-tục tập-quán như nhau. Hết thấy, đều biến thành dân ruộng ở miền Nam đất Việt.



Gánh đi ta ném ruộng ta..

nơi tới giúp. Rồi đất cứ khai-phá lần lần, người càng ngày càng thêm đông-dào, hiệp thành xóm, thành làng, có chợ, có đình, có trường-học cho con nít, có hương-chức để giữ việc công-an. Thế là những khoảng đất hoang-vu đã nhờ sức cần-lao của nhà nông mà biến thành những nơi dân-cư trù-mật, có lễ-giáo hân-hội, có phong-tục thuần-hậu, để liên-lạc những người trỗi-nổi bình-bồng và để niu giữ họ vào những hoàn-cảnh nhứt-định.

Chính nước Tàu, nước ta và nhiều nước khác trên thế-giới đã được gây-dựng nên bằng sức phi-nhiều của đất nước và nhơn đó mà có một nền văn hóa về canh-dồng. Nền văn-hóa này có cái đặc-tánh là cố-kết người ta vào với hoàn cảnh, khác hẳn với cái văn-hóa của những dân du-mục luôn luôn lang-thang trên đường đời vô-định.

Năm ngoài tôi có dịp du-lịch ít lâu ở Rach-giá và được vài vị nông-gia tiếp đãi. Nhờ những câu chuyện của chủ-nhơn mà tôi biết rằng miệt này đã quyến-rũ người tứ-xứ, chẳng phải chỉ có cố-đồng-bào Trung-Bắc vô đây, mà còn có biết bao nhiêu người Trung-quốc nữa.

Hết thấy đều có công khai-thác cảnh-thở và

Những dân ruộng đó đã gây nên sự phồn-thạnh cho nước ta, đã nuôi sống chúng ta, đã thiệt-hành triệt-đề hai chữ cần-lao để làm trọn cái thiên-chức của mình, há không đáng chịu sự biết ơn của ta sao? há không đáng cho ta kính-phục sao?

Ta vẫn có thể để tâm-hồn ta bay bổng tuyệt-mù trong mộng-ảo, nhưng trong lúc nhơn-loại đương đau khổ lâm-than, mà ta còn có hột com ăn no bụng, ta không được phép vô-tâm lơ-lãng.

Vô-tâm tức vô-tình, và cũng tức là bội-bạc.

THIỆU-SON.



THƠ TÍN

ÔNG ĐOÀN-VĂN-TRỌNG KOMPONGSPEU.—
Đã tiếp được mandat của ông đóng 6 tháng báo Nam-kỳ, tới 1-9-44 mới mãn hạn. Rất cảm ơn.

Ty Quân-ly

NGHỀ NÔNG VIỆT - NAM

TRÁI QUẢ CÁC THỜI ĐẠI

Đầu hết trong mọi xứ trên hoàn-cầu, nông-nghiệp là nền tảng trọng yếu của xã-hội, và là máy thanh suy của quốc-gia. Nước Việt-Nam ta, trải dài từ Nam chí Bắc một tấm khảm xanh toàn đồng ruộng. Người ngoại quốc thường so sánh xứ ta với hai thúng lúa máng vào hai đầu đòn gánh. Hai thúng là hai xứ Nam và Bắc-kỳ, cây đòn gánh là xứ Trung-kỳ vậy. Chúng ta thử xem lại đoạn lịch-sử nghề-nông của xứ ta.

Thời đại thượng-cổ

Người Việt-Nam ta biết chuyên nghề nông từ lúc nào? Có lẽ là từ thời đại thượng-cổ. Một vài chứng cứ sau đây chỉ rõ người Việt-Nam

biết cấy cấy từ thượng-cổ thời đại. Người Tàu có chép: « Đất Giao-châu phi nhiều lắm, vua xứ ấy là Hùng-vương. » Đất phi nhiều thì chỉ có làm nghề nông mới biết. Sách của Cao-hùng-Trung có chép: «... theo nước trào lên xuống mà cấy lúa, có vua Lạc-vương thống trị dân.» Hai chứng cứ do người Tàu chỉ rõ dân Việt-Nam biết cấy cấy từ xưa. Ngoài ra còn những chuyện cổ nước ta chứng nhận lời nói người Tàu là đúng. Có tục truyền rằng ở làng Lũng-giang, tức làng Lim, mỗi khi cấy cấy xong, dân chúng tụ tập nhau ca hát ăn mừng. Lại có những cuộc lễ tế thần ruộng nương, ông sấm, mụ sét, thần Tân-Viên, ông ba mươi hay ông cạp. Với bấy nhiêu chứng cứ đó, chúng ta kết luận: người Việt-Nam biết cấy cấy từ đời thượng-cổ, nhưng không thấy sách vở nào chỉ rõ những phương pháp cấy bừa ra sao.

Bắc-thuộc thời đại

Đến thời đại Bắc-thuộc, nghề nông vẫn còn

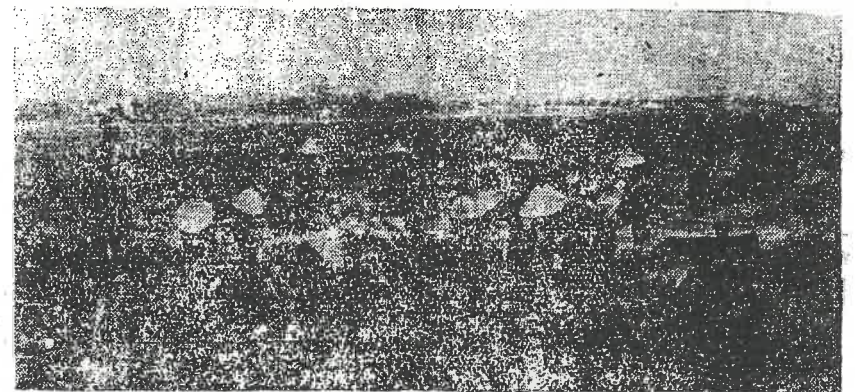
thò sơ. Nhờ mấy quan Tàu qua cai trị, như là như Nhâm-Diên, Thái-thu quận Cửu-chơn dạy dân dùng cây bừa mà khai khẩn đất ruộng nên nông nghiệp của ta mới bắt đầu tấn bộ.

Triều Đinh

Sau thời kỳ Bắc-thuộc, triều Ngô không đáng đề ý. Đến triều Đinh-tiên-Hoàng nghề nông không có gì tấn phát. Dân chúng vẫn ở vào thời loạn lạc, nên phần nhiều không ai tuân lệnh. Và lại nhân dân sung quân làm ra 10 đạo binh, nên nghề nông đành phải bỏ suy..

Triều Lý

Sang triều Lý, nghề nông lại được sống trong



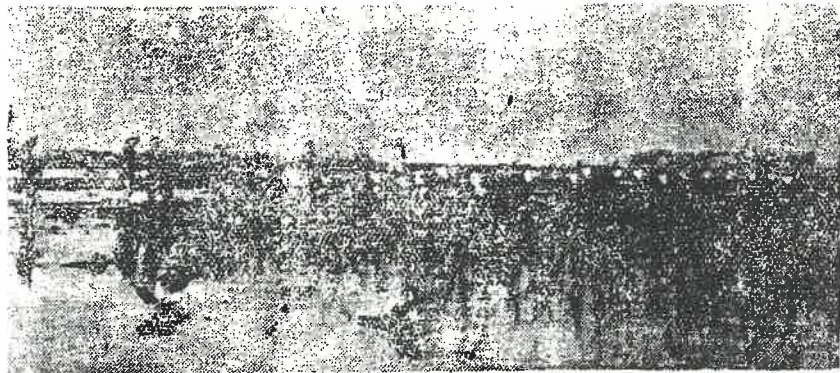
Đến khi lên mạ thì ta nhỏ về

thời kỳ phát triển. Sau khi nhà Lý sửa đổi những luật lệ nhà Lê cũ, thì vua Lý-thái-Tổ chuyên lo bồi bổ nông nghiệp. Chánh sách gốc của nhà Lý là « vụ nông phú quốc ». Vua Lý-thái-Tổ ra lệnh cho binh lính thay phiên nhau tốp đi lính, tốp được về làm ruộng trong một thời gian. Thật là một chính sách có một không hai vậy. Mỗi năm về mùa xuân, vua thân hành đi cấy lương đất đầu tiên để khởi mùa. Nhà vua lại đặt ra 6 thuế: 10 thuế đầm ao, ruộng đất. 20 thuế bãi đầu. 30 thuế sản vật trên núi. 40 thuế mấm muối và khám xét hải quan. 50 thuế sừng tê, ngà voi và hương liệu mường mán. 60 thuế cây trái trên rừng. Vua Lý-thái-Tổ tận tâm khuyến khích việc nông tang.

Qua đời sau, vua Lý-thái-Tôn cho đời hoàng cung ra ngoài thành, để để bề trông nom việc đồng áng. Hai lần nhà vua thân đi cấy tịch điền, và một lần thân đi xem gặt để khuyến khích nhà nông. Nhà vua lại lập ở cửa Trường-Quảng những đền thờ để cầu mưa vì sợ thiếu nước cho dân cấy cấy. Ở Thanh-hóa lại có đào một kinh ngòi dẫn nước vào ruộng. Mỗi khi quân lính có đi dẹp giặc về, nhà vua giảm thuế cho ba năm để làm ruộng kiếm vốn. Thật một chính sách nhân từ đức độ.

Vua Lý-thánh-Tôn lên ngôi, lập tức hạ chiếu khuyến nông. Nhà vua sai lập kho lúa khắp tỉnh để cứu cấp dân mất mùa.

Vua Lý-nhân-Tôn lại càng chăm chỉ nông nghiệp lắm. Mỗi năm nhà vua thân xem cấy và gặt. Vua ban phép « thanh miếu » cho nông dân vay tiền khi lúa còn xanh, và theo lệ nhà nước trả tiền khi lúa chín. Muốn binh vực nông dân, nhà vua có lệnh phạt 80 trượng cả hai vợ chồng trộm trâu. Vua cho phép 10 nhà hợp làm một bảo để giữ gìn ruộng đất cho nhau.



Rủ nhau đi cấy đi gặt
Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu!

Vua cho lập sổ điền, định thuế mỗi năm một mẫu là ba thăng thóc. Nhà vua lại đem công chúa gả cho mấy tù trưởng miền thượng-du nay nước Chiêm-thành để lấy thêm đất cho nhân dân cấy cấy. Vua lại dạy đắp đê. Có-Xá để ngăn nạn lụt đất Kinh-thành cho dân làm ruộng.

Lý-anh-Tôn lên ngôi, ngự đi xem dân-tình trong nước làm ăn, và sai làm quyền địa-tổ nước Nam.

Triều Trần

Dưới triều Trần-thái-Tôn, một tay Trần-thủ-Độ lo xây dựng việc chính trị. Triều Trần cũng không quên cải cách nông-nghiệp. Thuế ruộng dưới triều Trần vẫn còn đóng bằng thóc. Mỗi mẫu số thuế tăng lên 100 thăng. Ruộng thì chia ra làm hai thứ, mỗi thứ chia làm ba hạng. Một thứ ruộng gọi ruộng quốc-thổ. Thứ này chia làm ba hạng: hạng nhất thuế mỗi mẫu

là 6 thạch 80 thăng thóc; hạng nhì thuế mỗi mẫu 4 thạch; hạng ba thuế mỗi mẫu 3 thạch. Một thứ nữa gọi là thác-diền, thứ ruộng dùng thường công cho đình thần. Thứ này cũng chia làm ba hạng: hạng nhất thuế mỗi mẫu 1 thạch thóc; hạng nhì thuế ba mẫu 1 thạch thóc; hạng ba thuế bốn mẫu 1 thạch. Ruộng ao của nông dân thì chỉ đánh thuế 3 thăng thóc mỗi mẫu. Nhà nước sai đắp đê Đình-Nhĩ theo bờ sông cái và đặt quan giữ để cho dân làm ruộng.

Trần-thánh-Tôn lên ngôi phái người chiêu tập những kẻ đói nghèo lưu lạc để khai khẩn hoang điền làm trang hộ. Trang điền có từ lúc này.

Nhà Hồ

Trần-ngệ-Tôn mất, Lê-quí-Ly chuyên quyền, nhưng việc khuyến-khích nông-tang của nhà đại-cách-mạng này không phải nhỏ. Quí-Ly ra lệnh bắt những nhà tôn-thất, phải cắt dây-tơ ra miệt đất bồi, đắp đê trừ nước mặn. Một

vài năm, đất ấy sẽ khai khẩn thành ruộng, làm tư trang. Lại có luật buộc dân chúng trong xã-hội, trừ những hàng Đại-vương và Trường công chúa, không được cấy quá 10 mẫu ruộng. Số ruộng dư phải nộp cho nhà nước. Về sự thuế má, như thuế đình thì lấy ruộng làm

ngạch: 10 không có ruộng thì không đóng thuế; 20 5 sào đóng 5 tiền giấy, 30 6 sào đến 1 mẫu 5 sào thì 1 quan tiền giấy; 40 từ một mẫu 1 sào đến 1 mẫu 5 sào thì 1 quan 5 tiền giấy... Cứ thế mà tăng lên. Thuế ruộng thì mỗi mẫu đánh ba thăng thóc. Ruộng lại chia làm ruộng công và ruộng tư. Hai thứ ruộng đều phải khai sổ. Mỗi khi có việc khám xét, chủ ruộng phải nêu tên mình ở ruộng kèm diện tích của miếng đất.

Thuộc nhà Minh

Thuế ruộng phải nộp 5 thăng thóc mỗi mẫu.

Triều Lê

Lê-thái-Tổ lên ngôi thấy sự chính lịch của số ruộng giữa những người ăn không, không có công lao, với những kẻ phải đánh nam dẹp

(Coi tiếp trang 12)

THI-VĂN



Nông

Trải qua nắng hạ lúc mưa thu,
Cây cấy ghe phen sức dãi dầu.
Cưỡi ngựa lung tình vài dặm ruộng,
Làm ăn giữ bền mấy con trâu.
Chuyên nghề Hậu-Tắc nhà hăng đủ,
Giỏi việc Mãn-phong nước chẳng sâu.
Nhờ gặp mùa màng trời đất thuận,
Cứ trăm giếng thóc một tay trâu.

Đờ-Chiêu.

Hột lúa

Giã từ đồng ruộng dạo xa chơi,
Lớn nhỏ ai mà chẳng mơn hơi.
Cời giáp vàng kia phơi chồn-chồn,
Bảy đa ngọc họ rặng nơi-nơi.
Ông cha giúp nước đã che mưa,
Giòng giống nuôi dân biết mấy đời.
Vì thế hiểu mình con nước lụt,
Ai mà có thấy, hỡi ai ơi!

Cử-Trí.

Chiều, đồng quê

Nhà ai giã gạo đầu thôn,
Tiếng rơi trong buổi hoàn hồn nào buồn.
Chát-chen giọng nhái bắt-buồn.
Bầy gà chiu-chít tìm chuồng nghỉ ngơi.
Mái chèo gặt mạnh ngoài khơi,
Chùa xa vắng tiếng chuông chơi-vơi sầu.
Dàn cây lăm rữa ạo sâu,
Vài ba thặng nhỏ cội trầu gọi đoàn.

Madame Tịnh-Đế.

(Rút trong tập « Đóa-tâm »
sắp xuất bản)

Về quê nhà

Hôm nay trường đã bãi rồi,
Khuyên em trở lại nghỉ-ngoi quê nhà.
Chung vui với mẹ cùng cha,
Đề bù những phút phải xa-xuối nhà.
Ngắm xem đồng ruộng bao-la,
Cùng đàn cò trắng la-đa bay ngang.
Ngắm xem đám lúa chín vàng,
Tỏa mùi hương thoảng dưới làng mây xanh.

Lặng nghe tiếng hát thanh-thanh,
Của vài thôn-nữ họ hành bờ đê.
Càng nhai gánh nước no về,
Nói vui cười hăng tới kẻ bên em.
Lặng nghe tiếng hát êm-tềm,
Của người từ mẫu giữa đêm trong trời.
Coi bao cánh « ếp em ơi »
Mà em chẳng thấy ở nơi thị-thành.
Khuyên em gửi nhớ lời anh,
Trở về nơi cỏn xanh thành em ra,
Cùng nhau hưởng thú êm-ò-a.

Nguyễn-văn-Nghĩa.
Giáo học

Đã xuất bản

HOÀI QUỐC - CÔNG
VỎ - TÁN HI

của

BIỂU-CHÁNH HỒ-VĂN-TRUNG soạn

Số h chữ 100 trang, có phụ truyền riêng của
Huà Quốc-Công và Hoài Quốc-Công
Trưởng-tên, và tám hình miếu, mộ của Hoài
Quốc-Công ở Bình-Định, Phú-Nhuan và Gocong.

Giá mỗi cuốn: 1\$ 50

Mua lẻ trả thêm 0\$ 50 cước phí.

Nhà xuất bản ĐẠI-VIỆT
5, rue de Reims - SAIGON

Đang in

LUÂN LÝ ĐẠO NHO

của TRÚC-HÀ

TRONG RUỘNG
NGƯỜI TA CÓ
THÈ TRÔNG

ĐẬU PHÒNG

TRONG Nam-kỳ ta, đậu phòng trồng tại đất đỏ phía Đông hoặc theo những đất giồng dựa bờ sông trong tỉnh Long-xuyên và Châu-độc. Chưa có ai ng đậu có thể trồng trong ruộng.

Theo lời ông Hội-đồng Lê-thuận-Hoà, nghiệp chủ ở Cầukè (Cầutho) thì ông đã thí nghiệm rồi và được có kết-quả như ý nguyện. Ông chỉ cách trồng như sau đây :

Sau khi gặt lúa rồi, người ta chọn một khoảng đất và rải rơm lên cho đều. Đoạn, người ta đốt rơm ấy và mở bọng cho nước vào ruộng. (Theo đây, ít nữa ruộng phải có bờ-ven và ta phải làm chủ ngọn nước mới được).

Phải khởi công từ lối ngày rằm đến ba mươi tháng hai. Đất phải cây rơm bừa. Kế đó, đánh líp. Mỗi líp độ 4, 5 thước bề ngang. Giữa hai líp, một cái mương chừa để rút nước mưa có thể đọng trong líp.

Hột đậu gieo phải lột vỏ, và bỏ 3 hột vào một lỗ và cách lỗ kế đó từ 20 đến 25 cm.

(Đất ruộng : 20 cm ; đất cát : 25 cm). Chớ nên quên, bỏ hột phải cho ngay hàng chạy dài theo líp, từ hàng này tới hàng kia phải chừa trên 40 cm bề ngang phòng khi sau dựng bờ để « vô chơn » cây đậu.

Một công đất cần phải một gia rười hột.

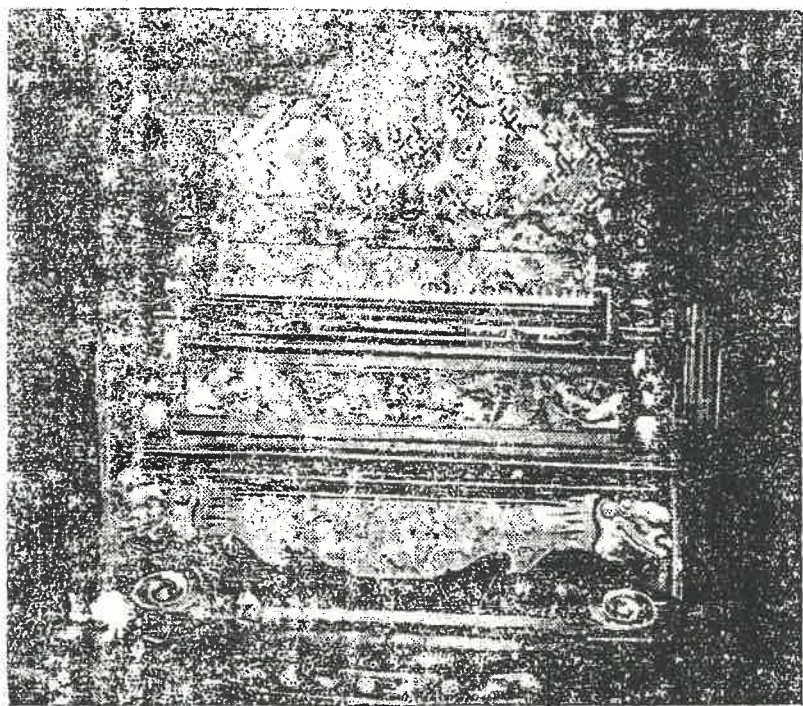
Sau một tháng gieo hột, cây đậu đem bứng. Lúc ấy ta phải « vô chơn ».

Cách « vô chơn » đậu phòng không có chi khó : Buộc một cái cây vào một con bò và

cho bò kéo giữa hai hàng đậu.

Người đi sau cái cây coi chừng đỡ những cây bị đất cục đè lên. Lưới cây dây đất lên, đất ấy tủa ra hai bên và phủ gốc đậu.

Từ tháng ba qua tháng sáu Anam, mưa xuống đủ cho mình khỏi nhờ công tưới nước. Ta phải coi chừng, chớ cho nước mưa đọng nhiều quá.



Bàn thờ Thần-Nông.

Vô chơn đậu đó xong xuôi, mình nên để ý giết chuột hoặc bằng cách gài bẫy, hoặc dùng thuốc độc.

Độ ba tháng, người ta nhổ đều. Lấy hột rời, cây đậu để lại tại chỗ, thân cây và lá mọc thành phân cõ (engrais verts) rất có ích cho mùa ruộng năm tới.

Vào hạng trung bình, một công cho ta 5 hay 6 gia hột, còn như trúng mùa hơn nữa, ta có thể được từ 8 tới 10 gia.

THÙ DỊCH CỦA CÂY LÚA

CÙNG như các giống cây khác, cây lúa có thể gặp nhiều sự nguy hiểm làm cho nó chết trước khi trở bông. Nhà nông-phu, muốn cho mùa màng đầy đủ, cần phải săn-sóc ruộng nương quanh năm nhất là sau khi cấy rồi thì người cần phải lo giết trừ sâu-bọ có thể phá hại cây lúa.

Ta có thể kể ra tám thứ sâu bọ của cây lúa ở Nam-kỳ :

1. Con sâu keo (Spodoptera).
2. Con Bò xít (Podops)
3. Con Rầy (Puceron)
4. Con bù-lạch (Nymphula)
5. Con sâu nạch (Schœnohius)
6. Con bù lạch lửa (Chrysanoptère)
7. Con dế nhũi
8. Con sâu cắn chèn (Cirphis)
9. Con bọ ruồi (Hispa).



Tính theo giá tháng Septembre 1943, ông Lê-thuận-Hòa có cho ta biết :

100 kgrs giá : 25 \$ và một gia đậu còn vỏ cần dựng 12 kgrs.

Như thế, một công có thể bán được từ 15 đến 18 \$.

Tiền sở lòn phỏng định lối 50 phần trăm, nên huê-lợi chắc-chắn là từ 7 tới 9 \$ mỗi công đất.

Ấy là giá cũ năm ngoài, năm nay chúng tôi thấy giá đậu phòng đến :

100 kgrs đậu giá : 144 \$ 50.
xác đậu (tourteaux) : từ 10 \$ đến 15 \$ 50).

Theo giá mới, có lẽ huê-lợi còn tăng lên nữa. Ấy là chưa kể những nguồn lợi khác cho người nông-phu là :

- 1° có dầu đốt ; 2° có việc làm mần mẫm .
- 3° thêm chất phân tốt cho đất mà không tốn hao ; 4° dọn đất sẵn-sàng để làm mùa. P.V.

Muốn trừ các thứ sâu bọ ấy, nhà nông cần phải chú ý đi thăm ruộng hằng ngày để coi kỹ từ chứt dặng cừu mùa màng cho kịp. Trong vài tỉnh ở miền Trung-trong, nhà nông dùng vịt con để trừ sâu bọ được kết quả mỹ-mảng. Ta cũng có thể dùng vịt để bắt sâu và theo những cuộc thí-nghiệm của sở lúa gạo Đông Pháp thì một người có thể bắt được một thùng thiếc đầy sâu trong hai giờ đồng hồ.

Ngoài mấy loại sâu bọ ấy, cây lúa còn hai thù-dịch rất lớn là Cua và Chuột. Cua công thường hay đào hang theo bờ ruộng làm cho nước trong ruộng chảy ra và bờ hải hư, lở. Chúng thường kẹp mạ và cây lúa mới cấy làm cho mạ và lúa phải chết. Cua và công sanh sản rất mau te. Trong một mẫu đất, nếu người làm ruộng siêng-rang thì mỗi năm có thể bắt được trên 10 ngàn con.

Chuột thì ai ai cũng biết là loại thú phá hại.

Chỗ ở ăn hang lỗ nhiều bề

Đường qua lại đào rạ hai ngạch...

Nếp gạo của trời nuôi mạng

Ăn phá rồi còn kéo xuống hang...

Vì vậy nên nhà nông cần phải trừ chuột cho hẳn : trừ bằng cách gài bẫy, đào hang phá ổ hoặc dùng Phosphure de zinc trộn với Carbonate de baryum để thuốc loại thú phá hại ấy.

THANH-TUYÊN



Maison LIÊN-HOA

Máy y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-ba thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI

N° 108-110 Lagrandière.

gần chợ-mới Saigon

Tel. 21.780

I. — Cội-rễ và cách tấn-triển

Vào năm 1897, ông Raoul, Đào-chế sư trong họ Hải-Quân Pháp, sau khi qua đất Mã-lai với một phái-hộ kinh-tế có đem về Đông-Pháp một mô hạt gọi là « Hévéa Brasilensis ».

Về trước, thứ cây này chịu phong-thổ những xứ Ceylan, Mã-Lai và Ấn-Độ Hòa-lan. Đem về trồng thử tại Nam-kỳ ta, nó có mọi phát triển được.

Sở Canh-Nông ở Ông-Yêm và Bắc-Sĩ Yersin ở Nha-Trang tiên khởi thí nghiệm và đã được thấy kết quả mỹ-mãn. Lúc ấy, ông Bellan trồng độ chừng một ngàn cây gần Sài-gòn cũng được vui lòng thâu huê-lợi đầy đủ.

Nhờ những gương ấy, nhiều vị quan lại, thương-gia và nghiệp-chủ hẳn xé đưa nhau xuất vốn lập vườn cao-su, Ban sơ, người ta thấy những vườn nhỏ-nhỏ rồi lần lần những hội nghị-danh đại-hội Nam-kỳ thành-lập :

Trong tỉnh Biên-Hòa : Hội Xuân-Lộc, An-Lộc và Société des Caoutchoucs de Cochinchine.

Hội Khuyến-học NAM-KỲ nhóm đại hội

Chầu chúa-nhật 2 Avril 1944 Hội Khuyến-học Nam-Kỳ nhóm đại-hội thường niên tại hi-viên Nguyễn-văn-Hiếu ở Saigon.

Khi hội bào cũ ban Trị-sự năm 1941 và bàn nghị những vấn-đề thuộc về sự hành-động của hội xong rồi, ông Đoàn-quan-Tấn, Hội-trưởng, lên diễn-đàn giới-thiệu ông Hồ-đắc-Thăng với hội-viên và công-chúng đã có mời đến nghe diễn-thuyết và xem hát bội.

Ông Hồ-đắc-Thăng diễn-thuyết với đầu đề « Cái hay của hát bội ». Bắt đầu ông giải nghĩa danh-từ hát bội; mà người ta sửa-đổi ra hát bộ. Rồi đó ông mới vô đề mà nói điệu hát bội là điệu hát tương-trung, ông phân tích điệu ấy và chỉ cái hay riêng của tranh-cảnh, y-phục, cách vẽ mặt, cách cỡi ngựa, cách uống trà uống rượu, cách vuốt râu, cách cười, cách khóc. Vì không có giờ nhiều nên diễn-giả phải ngưng câu chuyện, hẹn trong dịp khác sẽ chỉ cái hay của hát bội về phương-diện văn-chương.

Khi ông Hồ-đắc-Thăng diễn-thuyết rồi thì một bạn hát bội diễn hai lớp tuồng :

1° Huê-dung-đạo Quang-công phông Tào-Man.
2° Tiết-Giao đoạt ngọc, Hồ Nguyệt-cô hóa cáo.
Để cho công chúng được thấy liền những điệu bộ mà ông Hồ-đắc-Thăng mới bày giải khi này.

Đến gần 9 giờ thì mãn cuộc.

TRỒNG C

Trong tỉnh Thủ-dã-một : Hội Xã-Trạch.

Trong tỉnh Giadinh : Hội Tân-thạnh-Đông.

Sau lại, có tư-bồn bên Pháp đem qua gây dựng những hội :

Société des Caoutchoucs de l'Indochine tại Thủ-dã-một.

Société de Thành-tuy-Hạ (Biển-Hòa) và Société de Courtenay...

Đành rằng trong nghề-nghiệp, các vị chủ-nhơn và các hội phải trải qua những thời buổi khó-khăn, nhất là trong những bước đầu tiên mặc dầu, nhưng mà sau khi chiến thắng những trận đông gió, các sở cao-su cũng được chấn hưng thêm mãi cho đến ngày nay chúng ta thấy nhiều hội vĩ-dại đang tấn-triển rất thành hạnh như :

— Société des Terres-rouges do một nhóm tư-hồn-gia Pháp và Bỉ tạo ;

— Compagnie du Cambodge (mặc dầu ở Ngoại Nam-kỳ, chúng tôi cũng xin kể ra) khai hóa đến 12 vạn mẫu ;

— Nhóm Michelin trồng trên 10 vạn mẫu ;
Xem bản thống-kê về diện-tích, chúng ta sẽ thấy từ năm 1925 qua năm 1929, nghĩa là trong khoảng 6 năm, con số 34.434 mẫu bước qua đến con số 88.224 mẫu.

II. — Những điều-kiện về địa-chất và phong-thổ.

Hai thứ đất, một thứ gọi là « đất đỏ » và một thứ nữa kêu là « đất xám » thích hợp với loại cây này.

Đất ấy ở miền Nam Trung-kỳ và phía Đông trong Nam-kỳ. Vùng đất này bắt từ phía Đông tỉnh Baria đi ngang qua Biên-hòa, Thủ-dã-một đi chỉ phía Bắc xứ Cao-Miền.

Nhiều đám rừng xanh rậm-rạp mọc không biết bao nhiêu cây cỏ-thọ thuộc về giống « Bàn-lang » và « Dầu » cao đến 60 thước, trong các miền kể trên, đều phải nhường chỗ cho những đám rừng non-tạo, trong đó cây cối phải theo kỹ-luật của người và mọc ngay hàng thẳng lối.

Tuy là ở đây chẳng có mưa mông năm như ở Mã-lai và bên Ấn-Độ Hòa-Lan, nhưng xứ ta

AO-SU

có hai mùa và trong mùa nắng cây cao-su được nhờ sương và sa-mà ban đêm dưỡng sức. Cũng nhờ mùa-nắng-mà-rễ cây không bị một thứ nấm mọc dưới rễ và làm cho cây hay sanh bệnh như bên Java và trong những xứ ở Mã-Lai, vì nước mưa quanh năm bên xứ ấy làm cho rễ cây bị ướt-át luôn-luôn. Xét ra, phong-thổ Nam-kỳ ta, trên hai thứ đất xám và đỏ, là thích-hợp cho loài thảo-mộc này hơn nhiều xứ Á-Đông.

III. — Nhon công

Lúc mới khai hóa, những vườn nhỏ của điền chủ nhờ nhơn-công bên địa là đủ. Đến khi có những sở ruộng lớn do các hội mở-trong thêm, người ta phải tốn thêm nhơn-công ngoài Bắc hay là Trung-kỳ vào giờ việc. Đành ông đốn cây, phá rừng, phát cỏ hoặc là cao su cây, đẵn bả, con nit cũng được dùng để dọn-đẹp trong vườn và hừng mù cây.

Có nghị-định của quan Toàn-Quyền ra ngày 25 Octobre 1927 giải-quyết các điều-kiện lập giao-kéo giữa các hội trồng cây và nhơn-công. Nhờ vậy, nên bây giờ có trên mười vạn người Bắc và Trung vào sanh-hoạt trong các sở, họ cư ngụ nơi đây và nhiều chỗ đã thành xóm, thành làng có chợ với đường-đường để trị bình rết rừng.

IV — Huê-lợi và tương lai

Trên những vườn đất xám, những cây 14 năm có thể cho ta từ 300 đến 400 kgr. cao-su.

Trên những sở đất đỏ, con số này có thể đến 600 kgr. Người ta tính mỗi mẫu đất đỏ, trong khoản thời gian ấy, sai chừng 1.000 \$, còn đất xám lời 600 \$ mà thôi.

Savon VIET-NAM
Tốt nhất

Đất nào lợi hơn ? Đến đây cũng chưa ai biết được, vì lẽ nhiều cách tổ-chức nhơn công khác nhau. Điều ta biết được là nhiều người ưa đất đỏ hơn. Còn tương-lai của nghề trồng cao-su ra thế nào ?

Trả lời rằng : do những nhu-cầu của thế-giới. Kể từ 1930, tổng số nhu cầu lại ít hơn số sản-xuất bởi đó mà cao-su bị sụt giá. Cho nên, trong các xứ trồng cao-su, người ta lo những phương-châm bảo tâu quyền-lợi cho người trồng bằng những đạo luật ban hành trong nước, hoặc bằng những hiệp-ước quốc-tế về thương-mãi.

Nói riêng về xứ ta, số xuất-cần mỗi năm ở trong vòng 12.000 tấn, và số nhu-cầu của nhà kỹ-nghệ Pháp đến 60.000 tấn, nghĩa là nếu bên Chánh-Quy, mua hết cao-su thuộc-địa này thì chỉ được một phần năm mà thôi, còn 4 phần 5 kia phải mua ở xứ khác.

Vì vậy, nên chúng ta kết-luận rằng ta có thể mở-mang-thêm sản-vật này và chẳng những ít sợ những nạn sụt giá chung của thế-giới, mà lại còn hi-vọng vào tương-lai là khác nữa.

LƯC-TÀI soạn

KỶ-NIỆM DANH-NHON

Trong tháng 3 này người mình có nhiều dịp hội hiệp để làm lễ kỷ-niệm danh-nhơn quá-cổ.

Ở ngoài Bắc có lễ Kỷ-niệm đức Hùng-vương tại thôn Cổ-Tịch, thuộc tỉnh Phú-Thọ, hôm ngày mùng 10 tháng 3 (2 Avril 1944).

Trong Nam, nhơn ngày Thành-minh 13 tháng 3 (5 Avril 1944) hội Thương-công qui-tế ở Gia-dinh có làm lễ cúng quan Tả-quân Quận-công Lê-văn-Duyệt, theo lệ hằng năm, cúng hát 3 ngày, 13, 14 và 15.

Đến ngày 22 tháng 3 (14 Avril 1944) là lễ giỗ cụ Tôn-thọ-Trường, mất hồi năm đình-sử 1877, còn mộ tại làng Phú-Nhuận (Gia-Định). Cụ Tôn ra làm quan, được thăng chức Đốc-Phủ-sứ trước nhất ở Nam-Kỳ. Những hàng sĩ-phu kính yêu cụ là kính yêu thi-văn tao nhã của cụ, chứ không phải kính yêu chức tước. Vì lòng kính yêu ấy nên ông Khuông-Việt năm 1941 viết tiểu sử và soạn thi văn của cụ, rồi năm 1942 cho xuất bản được giải thưởng của hội Khuyến-học Nam-Kỳ.

Cụ Tôn-thọ-Trường là một trong hàng tiên-bối có công xây dựng nền quốc-văn cho nước Nam. Hôm nay, đến ngày giỗ cụ, chúng tôi không thể quên được. Vậy chúng tôi thành tâm kính-cần tiên-nhơn, với tri ý tôn-hiến hoài cổ.

N. K. T. B.

NGHIỀ NÔNG VIỆT-NAM

(Tiếp theo trang 6)

bắc. Phép quân điền mới định ra. Từ đó từ quan đến dân, từ những người học bực đến những người già yếu có quả đều có ruộng.

Vua Lê-thánh-Tôn lại hoàn toàn sửa đổi luật lệ cũ mà hơi theo cách thức người Tàu. Các quan văn võ đều có phần ruộng đất và được tiền cấp bổng. Thuế ruộng, thuế đất đều kê từ mẫu mà đóng. Mỗi thứ đất chia ra ba hạng. Các quan phủ huyện được lệnh hết sức khuyến khích việc cấy ruộng. Có đặt hai chức *Hà-dê* và *Khuyến-nông* để coi việc cấy cấy. Dân nghèo khổ được cấp đi khai khẩn ruộng hoang. Bấy giờ trong xứ có 42 sở đồn điền, có quan trông nom cẩn thận. Vua Lê-thánh-Tôn có đặt 24 điều lệ, điều thứ 13 khuyến dân chúng chăm lo làm ruộng và cùng giúp đỡ lẫn nhau.

Vua Lê-hiến-Tôn lên ngôi vẫn noi đời Hồng-đức. Đào sông, khai ngòi, làm xe quạt nước cho tiện việc nông cấy là những sáng kiến mới,

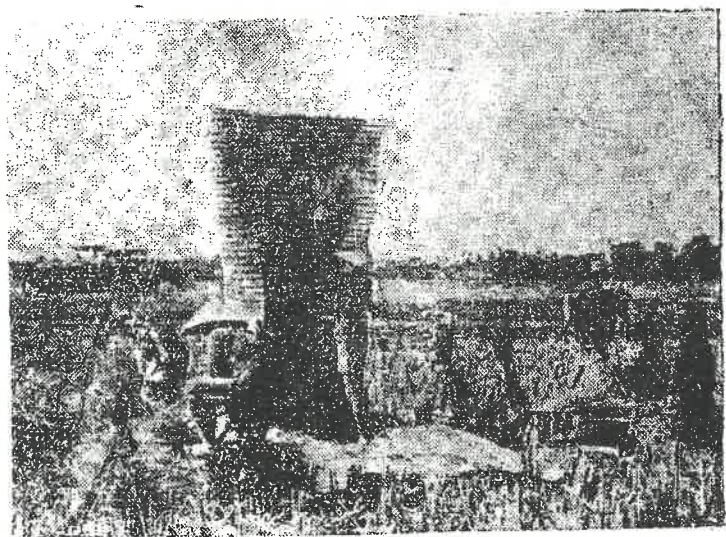
Trịnh - Nguyễn phân tranh

Chúng ta đã đến thời kỳ rắc rối nhất trong lịch sử. Nhưng mà việc nông tang cũng không vì hoàn cảnh mà suy giảm.

Chúa Trịnh miền Bắc đã làm gì? Đời Lê-dụ-Tôn, chúa Trịnh-Cang ra lệnh các quan phủ huyện làm việc đặc-điền để chia tiền thuế cho các dân xã đều nhau. Thuế đất được thay đổi: hạng nhất mỗi mẫu, mỗi năm 1 quan, hạng nhì mỗi mẫu 8 tiền và hạng ba chỉ có 6 tiền. Đến năm quý-mão (1723) quan Tham-tụng Nguyễn-công-Hán theo « phép tổ » nhà Đường mà đổi lại việc đánh thuế điền thổ. Công điền, mỗi mẫu là 8 quan. Ruộng cấy hai mùa thì chia ba quan lấy một phần thóc. Đất bãi của quan thì mỗi mẫu 1 quan 2 tiền thuế. Ruộng tư điền bắt đầu bị đánh thuế: ruộng một mùa, mỗi mẫu 2 tiền, ruộng hai mùa, mỗi mẫu 3 tiền. Sự đóng lương lại cải cách dưới đời ông

Phạm-công-Trừ (1664), lấy ống hoàng-trung-quân làm chùng. Ống ấy đựng được 1200 hột thóc, và gọi là một thước, 10 thước là một hạp, 10 hạp là một thăng, 10 thăng là một đấu, 10 đấu là một hộc.

Chúa Nguyễn trong Nam cũng khuyến-khích nông-nghiệp. Một ty coi việc thu xuất tiền thuế và phân phát lương thực cho quân lính gọi là tướng thân-lại-tv. Ông Nguyễn-hữu-Cảnh được sai coi việc chiêu mộ dân nghèo khổ đem



Bao giờ cho đến tháng mười
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta gặt hái ta đem về nhà

vào khai phá Quảng-Bình và tận trong Nam miệt Đồng-Nai với Đồng-phố.

Triều Tây-Son

Dưới Triều Tây-Son, chỉ có Quang-Trung là một ngôi sao sáng trong ba anh em. Quang-Trung chia ruộng làm ba hạng: nhất đẳng thì mỗi mẫu nạp 150 bát thóc, nhị đẳng thì 80 bát và bực chót là tam-dẳng, chỉ nộp 50 bát.

Lại có lệ thâu tiền « thập-vật » mỗi mẫu một tiền và tiền « khoán-khố » mỗi mẫu 50 đồng. Ruộng tư điền cũng chịu sưu thuế: nhất-dẳng mỗi mẫu 10 bát, nhị dẳng 30 bát, tam dẳng 20 bát. Lệ thâu tiền « khoán-khố » thì lên đến 30 đồng mỗi mẫu.

Triều Nguyễn

Gia-Long sau khi thâu phục thành Gia-định (1788) liền lo khai khẩn điền thổ. Các văn thần như Trịnh-hoại-Đức, Lê-quang-Định, Ngô-rồng-Chu, Hoàn-minh-Khánh cùng nội bộ là 12 người đi khuyến dân cố sức làm ruộng. Lĩnh phủ-binh với người cùng cố, đều phải đi làm ruộng. Mùa lúa chín, dân nông phải nộp 110 cơ (1 cơ, 42 bát) theo những ruộng đồng bằng và 70 cơ trở lên theo những ruộng núi. Chánh sách mộ dân đi làm ruộng hoang được trọng dụng đặc-biệt. Nhà vua dạy phát trâu bò và khí cụ cho dân quê, bắt đi khai khẩn những ruộng dưới quyền nhà vua, gọi là « đồn điền khố ». Các



Xin ai đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu

quan văn võ lại phải hợp những « đồn điền đội », làm việc, mỗi năm nộp 6 hộc thóc. Dân chúng ai mộ được 10 người được làm cai trại. Đất Nam-kỳ trở nên một vựa lúa cho cả xứ Việt. Một vựa lúa phong phú nhất. Sau khi lên ngôi, Hoàng-đế Gia-Long chia ruộng làm ba hạng: nhất dẳng mỗi mẫu mỗi năm 20 thăng; nhị dẳng 15 thăng, tam dẳng 10 thăng. Ruộng mùa thì 10 thăng mỗi năm. Nhà vua lập điền bộ để làm bản thống kê những sở ruộng trong nước.

Mỗi làng phải có 3 quyển sổ, 5 năm làm một lần: hai bản giao về tỉnh, một bản giao cho dân xã. Sự cấy bán ruộng cũng bị hạn chế còn 3 năm phải trả lại. Ngoài ra các sông ngòi được đào để giúp dân nông. Để được đắp thêm và giữ gìn khỏi nạn lụt.

Vua Minh-Mạng lên ngôi, vẫn theo-lẽ lối đời Thế-lỗ Gia-long. Năm 1836, Nam-kỳ đặc-điền xong tính ra 630.750 mẫu. Trong nước sở ruộng tăng đến 1.063.890 mẫu. Ngoài ra, dưới Triều Thánh-Tổ, dân Minh-hương cũng được khẩn đất hoang.

Đến Triều Tự-Đức, tình hình trong nước gặp cơn rắc rối. Từ buôn-bán đến công nghệ, nước ta phải chịu phần sút kém. Chán-nản, dân chúng sang nghề cấy cấy, gạo thật rẻ: một tiền 4 bát gạo; mà tiền lại kiếm không ra, thành thử nghề nông bị khủng-hoảng. Vào thời bấy giờ có Nguyễn-trường-Tộ, một người Việt-Nam rất sáng sủa, toàn cải cách việc nông-chính. Ông kịch-

liệt bài trích cách làm ruộng theo cổ tục, nên dạy dân học nghề làm ruộng. Ông bàn cách dùng để làm công thống nước. Ông khuyến nhà nước cho dân tự-do khai-khẩn. Ông xin đặt ban kiểm- duyệt rừng cấm, không được chặt phá. Ông mong nhà nước đặt ra những cuộc đấu xảo canh-nông. Ngoài ra, về việc đặc-điền, ông tổ chức phép thống-kê theo người Âu, Mỹ. Ông xin họa đồ cương giới địa phận các tỉnh theo lý-số và độ-số để làm kế-toán.

Tiếp đó người Pháp sang nước Nam. Và từ ngày Pháp-thuộc, chương-trình của Nguyễn-trường-Tộ mới thực hiện dưới phương pháp canh-nông của Pháp-quốc.

Kết luận, ta thấy nghề nông, từ thượng-cổ đến cận kim và hiện tại, là một vấn-đề cần nhất đối với sự sanh tồn của dân-tộc Việt-Nam, nên bất luận đời nào, người cầm quyền cai trị cũng thấy đều lưu ý.

BUI-NAM-TU

LỜI QUỐC TRƯỞNG PÉTAIN
nói với nông dân

Hồi nam 1935

KHI bóng huyển-hôn ngũ xuống đám ruộng đã cấy gieo rồi, và trong mấy chòi tranh ảnh đèn chớp nháy đã lần lượt bật cháy lên, người nông-dân, tuy đã mệt-mỏi với sự cố-gắng, nhưng cũng chưa muốn đi về, còn đứng nhìn qua đám ruộng của mình, dường như mến yêu, nên không đành rời bỏ. Mặc dầu trời cả ngày làm việc thiệt là khổ cực... Trãi qua những giờ im-lặng buồn-buồn, chỉ bạn cùng mấy con thú mà lâu-lâu phải cất tiếng lên kêu gọi đặng nhắc-nhở chúng nó mà thôi, người nông-dân cứ nắm chặt chuỗi cây, lặn-lề nhắm mà cây cho đường cây được ngay thẳng. Rán làm cho công việc ngày nay hơn-loàn, cũng như công việc đã làm rồi hôm qua, và cũng như công việc sẽ làm ngày mai nữa. Người nông-dân đứng nhìn công việc của mình làm, trong lòng rất tho-thoải. Cũng trong giờ này, cả muốn ngán trông mắt thanh bạch tự hào, y như trông mắt của người nông-dân này cũng vui nhìn đám ruộng, khoảng rau vườn nhỏ vùng cỏ của mình, khoảng-khoái yêu thương tôn trọng đất-đai nuôi mình được sống.

Bên-bỉ rán sức hằng ngày, dẻo-dai gân-cốt không biết mỏi-mệt, cần-thần lo xa và xem xét chính-chẩn rồi mới nhứt định, suy nghĩ kỹ lưỡng rồi mới chịu tin, ưa đời sống cực-khổ và giản-dị, đó là những đức tánh tối cao tối trọng của hạng thôn-phu. Những đức tánh đó thường nung dờ quốc-gia trong cơn khủng-hoảng.

(Paroles du Maréchal — Fascule II, pages 43-44).

Hồi năm 1936 trước đại kỹ-niệm chiến-sĩ trận vong ở Ariège

Sự phát-triển phi-thường các tài-sản trong nước, mặc dầu mạnh-mẽ, song không thay đổi được lực-lượng luân-lý tinh-thần, sự bền-bĩ cố gắng, sự cần-thần định-đạt, sự tin nhiệm hiệp lý và tánh ưa sống cực-khổ mà giản-dị, là những đức tánh tối cao tối trọng của hạng thôn-phu. Những đức tánh ấy thương nung dờ quốc-gia trong cơn khủng-hoảng, mà cũng là đức tánh đã tạo thành người chiến-sĩ đứng-dấn.

Trong quân ngũ, hạng thôn-phu giúp vào một chi tiết rất quý giá: Tinh-thần kiên-cố. Làm

Gò - công làm việc

NAM-kỳ Tuần-Báo số 75, ngày 16 Mars 1944, có đăng bài « *Phải làm việc* », của hần-báo Chủ-nhiệm kêu gọi đồng-bào phải trồng bông vải chung quanh nhà rồi trong làng xóm hiệp nhau sắm khuôn-cửi để dệt vải mà dùng. Số báo ấy lại có đăng luôn bài « *Nên khuyến khích trồng bông vải* » rút trong tập-chí « *Nghề ruộng* », cơ quan của « *Sản xuất mẽ cốc hội* ».

Mới đây, nhưn định đến tỉnh Gocong, tôi có đặng xem coi trong làng trong xóm người ta có trồng bông vải hay không. Tôi lấy làm hài lòng mà nhận thấy chỗ nhiều chỗ ít, song nhà nào cũng có trồng bông vải trước sân hoặc sau hè. Người ta lại nói hiện thời trong tỉnh Gocong đã có được 7 nhà dệt vải và dệt lụa, 2 nhà ở tại châu-thành, một nhà ở làng Bình-Công, 2 nhà ở làng Vĩnh-Thành, một nhà ở làng Vĩnh-Trị và một nhà ở làng Vĩnh-Lợi. Hay tin ấy tôi càng hài lòng hơn nữa. Tôi muốn viếng vải nhà dệt vải đặng tận mắt quan sát. Người ta nói hai nhà dệt ở Vĩnh-Thành thì tổ-chức hẳn-hỏi hơn hết, rồi đưa tôi đến đó mà xem.

Thiệt quả lời nói ấy không sai. Nhà ông Hương-chủ Mười có tới 8 khuôn-cửi, còn nhà ông Hương-sur-Niên có được 5 khuôn. Lại hai nhà đều có sắm đủ khi-cụ để lấy hội bông, bản bông, kéo chỉ, quay chỉ, không thiếu thứ chi hết. Hai ông đều vui-vẻ dạy trẻ em làm từng việc cho tôi coi, lại có nói với tôi rằng ở Ba-Trị cuộc dệt vải dệt hàng đã tổ-c chức-lưu lao và đều đủ hơn các tỉnh hết.

Tôi sẽ đi viếng Ba-Trị.

Nhưng liền bây giờ tôi vội-vả ngó lời mừng cho đồng-bào Gocong sớm lo giải nạn khăn vải. Tôi ước mong các tỉnh khác cũng chăm nom trồng bông vải rồi sắm khuôn-cửi mà dệt vải trong các làng. Nếu cả thấy đồng-bào tận-tâm to làm việc này, thì tự nhiên hết những y-phục rách-rưới bêu ngoài đường làm cho chúng ta phải đau lòng xót dạ nữa.

THỬ-TIÊN

chiến-sĩ họ lo nhiệm-vụ em-ai vững-vàng cũng như hồi làm người cấy ruộng. Trong lúc chiến-tranh, nông-dân xuất trận với tâm-hồn bảo-lưu vườn ruộng của mình. Dầu gặp cơn nguy khốn thế nào, họ cũng không để cho đức-tin của họ rạc-núng.

(Paroles du Maréchal — F. II page 44).



(Tiếp theo)

Ohời không khá hay sao?
— Làm ruộng nào ăn tháng này khá gì được, thú ở bởi.
— Vậy thì ở nhà làm ruộng rồi làm làng chơi chẳng là hay hơn.
— Ai có chí nấy.
— Em về thăm bà con chơi rồi đi nữa hay là ở nhà luôn?
— Tôi chưa nhứt định. Để rồi coi như ở đây có công việc làm ăn thì tôi ở, còn như không có việc gì làm thì phải đi, chớ ở không lấy gì mà ăn.
— Ở đây thì làm ruộng, chớ có làm nghề gì khác được.
— Có lẽ huân hân được chừ.
— Ủ, mà phải có vốn.
— Cha chả! Khó tại chỗ đó.

Qui ngồi không an, lộ sắc lo ra, dường như muốn nói chuyện với di ba, mà vì có khách lạ nên nói không tiện.

Qui nha-nhòm muốn đi.
Di Ba biết ý bèn thôi thúc Hương nấu cơm riết đặng dọn cho Qui ăn, di nói: « Con phải ở ăn cơm với di rồi sẽ về thăm nhà. Không gấp gì. Ở ăn cơm đặng di hồi thăm một chút ».

Hương-nhi út trả tiền rượu rồi rửa Tắm Thấm với Phó Hương-hào Liếm vô ấp tư đá gà.

Khách đi hết rồi, di Ba Thôi biểu Qui xách giỏ mây để trên ván và cởi áo bành-tô cho mát. Qui vung lời cởi áo móc trên cây đình đóng treo lịch, bây giờ chỉ còn bán áo sơ-mi cụt tay, lại sau lưng có vá một miếng bằng bán tay.

Qui đi thẳng xuống nhà bếp kiếm nước rửa mặt, gội đầu, vì đi xe hơi bụi-bặm đóng đầy tai, đầy cổ.

Hương vui-vẻ múc một thau nước để trên ghế, rồi vô buồng lấy cái khăn-lông-ủa mùi hương dội đi ra vườn mà vắt trên thanh ghế.

Qui lúm-khum gội đầu rửa mặt. Di Ba v Hương đứng nhìn, mẹ con thấy quần tay vàng phai màu xười lai, đôi giày đen mòn gót hết phần nửa, áo sơ-mi đã khâu vá, lại đứt mất một nút, thì có lẽ tội nghiệp cho Qui nên buồn hui.

Qui gội rửa rồi lấy cái khăn lông đi lại cửa sau đứng ngó ra vườn mà lau. Qui vui vẻ nói: « Vườn bây giờ không có trồng gì hết. Em Hương lớn rồi chắc sanh lật làm ruộng hay là vườn bình từ sẵn, như họ chớ gì ».

Hương cười mà đáp:
— Trồng dưa hấu hái rồi hôm Tết. Tháng này nắng quá, trồng cực tươi lắm, nên em đợi mưa rồi sẽ trồng chớ.

— Vậy thì qua trách lẫn. Xin em tha lỗi. Này giờ về đèn đậy qua thấy di Ba với em có môi thong-thả hơn hồi trước, quán đã thành cái tiệm, có hàng hoá nhiều, thì qua mừng lắm. Không biết đi của qua ở ngo ài nhà với chị hai qua và thằng Sen ra thế nào?

— Thân chị Mỹ khổ lắm anh ơi.
— Qui châu mây, nghiêm mặt.

Di Ba tiếp nói: « Con bước ra đằng trước cho mắt con, ra đây rồi đi nói chuyện nhà cho con nghe ».

Qui trả khăn lông lại cho Hương rồi đi theo di Ba mà ra phía trước, tuy y-phục lam lụ nhưng tương mạo thanh-nhã, tuy nước da đen-đúa nhưng có ấn-trượng cao sang: mà người ở chốn thôn quê như mẹ con di Ba Thôi đây, không có cặp mắt tinh đời, thì không thể thấy vẻ thanh nhã hay nét cao sang ấy nổi.

Di Ba mời Qui ngồi, rót một tách nước trà nóng mời Qui uống. Di kéo ghế ngồi

ngang Qui mà hội ?

— Con bỏ xứ mà đi từ ấy đến nay là mấy năm, con nhớ hôn :

— Mười hai năm.

— Tại sao con đi biệt, con không về ?

— Con đã quyết chí đi lập thân thì về sao được.

— Hồi nấy con có nói với con Hương rằng con hay anh Bồi-bái mất, mà nất lâu rồi con mới hay, phải vậy hay không ?

— Thưa, phải.

— Ai cho con hay ?

Qui dụ-dự một chút rồi mới đáp :

— Con có gặp một người ở Láng-Thé nói với con.

— Ai vậy ?

— Con quen.

— Gặp ở đâu ?

— ... Trên... Lèo.

— Anh Bồi-bái mất năm tý, năm nay đã 5 năm rồi.

— Mới 5 năm ? Đau sao mà mất vậy di ?

— Con đi rồi ảnh đau rề-rề, ngày tối cứ ở nhà, ít đi đâu lắm. Mấy năm sau thấy ảnh ốm và già chớ không có bệnh chi nặng. Thiệt đau thì ảnh đau có mấy bữa rồi ảnh mất.

— Không biết di con táng cha con chỗ nào ?

— Thì chôn dựa bên má mà con ở chớ chôn đâu. Di nói ra sợ con buồn, chớ thiệt anh Bồi-bái chết là tại ảnh rầu. Con ra đi rồi ảnh ăn-năn, nên buồn rầu lung lắm. Ảnh không chơi bởi như trước nữa. Ngặt ảnh yếu trí quá, không trị mà thắng Sen hồi nên con-mé cũng cứ bài bạc hoài. Gia-đạo một ngày một thêm suy-sụp. Ruộng cho mướn đủ 3 năm rồi, ảnh lấy lại ảnh làm, tưởng làm nặng gỡ nợ, té ra năm đó bị sâu đeo chết lúa hết, ảnh bị thất nặng, mắc nợ thêm nữa. Có lẽ ảnh liệu thế không kham, nên ảnh mới lang đến thị nhận cho ảnh làm tờ lập nhà đó là nhà thờ và chiết ra 15 mẫu ruộng mà lập hương-hoả, nhà thờ và hương-hoả đều để cho con trưởng-nam là Phan-văn-Quy đứng hộ. Chừng ảnh mất rồi, chủ nợ ửng lên kiện; họ thì hành ruộng đất hết, may nhà thờ với hương-hoả con đứng hộ, họ phát mãi không được, nên mới còn cho mẹ con thắng Sen hưởng mấy năm nay đó.

Qui nghe nói động lòng thương cha, nên ngồi khóc rấm-rức. Qui khóc một hồi rồi hỏi :

— Còn chị hai con bây giờ ở đâu ?

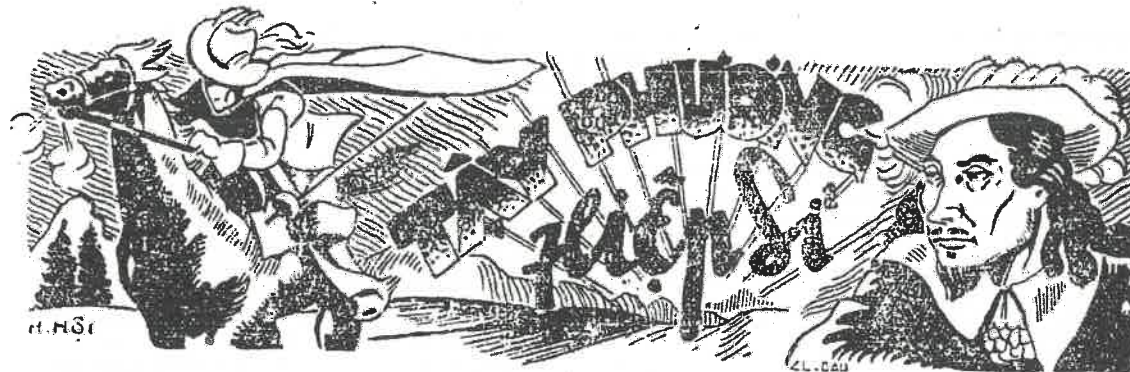
— Nó cũng ở đó... Tội nghiệp nó làm con ối. Nó thiệt thà hiền hậu quá. Năm nó được 22 tuổi, anh Bồi-bái mới gả nó cho con cả Phi trên Giồng-ké. Rồi nó gặp thằng chổng bát lương, cứ bài bạc rượu trà, ở có mấy tháng rồi bỏ nó mà theo vợ bé. Nó phải trở về nương-náu với anh Bồi-bái. Từ ngày ảnh mất đến nay nó cũng ở đó, chớ biết đi đâu. Má thằng Sen là người không biết điều. Nhà là nhà thờ của con, ruộng là hương-hoả cũng của con. Má thằng Sen ở nhà đó, thâu huê lợi ruộng đó, rồi mẹ con giành hết mà ăn xài, không cho chị hai con đồng tiền hột lúa nào, bỏ chị hai con rách-rưới tội-nghiệp hết sức. Nó ở đó thì như ở đây-tờ, mà làm công chuyện nặng ăn cơm, chớ không có tiền công, lại còn bị hán-hủi mắng nhiếc tới ngày nữa.

Qui nghe tới thân phận chị cực khổ thì đau lòng xót dạ chịu không nổi, nên và khóc và than : « Chị hai con có làm tội lỗi gì mà trời hành phạt đến thế ! Chị hai con cực khổ từ nhỏ tới giờ ! Cực khổ lâu quá ! Tội nghiệp biết chừng nào. Con thưa thiệt với di, ngày trước, lúc con không được qua Cẩn-tơ mà học nữa, thì con có ý phỉn cha con, con nghi cha con không thương con. Nhờ có di nói lại, con được biết cha con không cho con học được nữa là vì nhà đã suy sụp, chớ không phải tại cha con không muốn lo cho con, thì con hết phỉn nữa, rồi con tự quyết phải xuất thân đi làm ăn, làm ăn nặng nuôi lấy sự sống của con và đừng khỏi tốn hao cho cha con nữa.

(Còn nữa)



Agents Exclusifs : BOY-LANDRY



HUYỀN chi ?

— Cháu nói rằng... ở, nói rằng cái mà cha cháu biết đó, chủ đề ở cửa hàng Planchet đây, trừ một phần năm ra và...

— Chú hãy coi chừng đi, nếu chú trốn thì người ta sẽ nói hai điều.

— Hai điều chi ?

— Trước hết, người ta nói chú sợ.

— Ai nói ?

— Nhà vua nói trước hết.

— Ủ, mà... nhà vua nói nhảm đó. Chú sợ thật.

— Đó là điều thứ nhất, còn điều thứ nhì người ta sẽ nói chú biết chú có tội chú mới trốn.

— Tội chi ?

— Thì những tội mà người ta sẽ buộc cho chú, chớ tội chi ?

— Chán nói cũng phải... Vậy cháu khuyên chú nạp mình vào ngục sao ?

— Nếu có cha cháu ở đây thì chắc cũng khuyên như vậy.

— Chú cũng hiểu nhiều, cháu nói có lý, thôi chú không trốn. Song nếu chú bị nhốt vào ngục Bastille thì sao ?

Từ-trước bình-tĩnh đáp :

— Cha con cháu sẽ đem chú ra.

D'Artagnan bắt tay Từ-trước nói :

— Húy chà ! Cháu nói một cách hùng-hồn, rõ thật cha nào con nấy.

Vậy thì chú an lòng ra đi. Cháu đừng quên lời của chú dặn nói với cha cháu khi này.

— Dạ, cháu nhớ, chú dặn bảo trừ một phần năm ra.

— Và chú muốn cháu nói thêm một lời này nữa... Nếu cha con cháu không đem chú ra khỏi ngục Bastille và chú chết đi, thì chú cho cháu ba phần năm, còn lại một phần năm, cho cha cháu. Ngoài ra, nếu cha con cháu muốn làm lễ cầu-hồn cho chú thì mặc ý.

D'Artagnan nói rồi, lấy dây nịt kiềm buộc vào mình, móc thanh gươm bên hông, cầm nón lông lên, bắt tay Từ-trước từ-giã ra đi.

D'Artagnan trên phòng bước xuống, đi ngang qua tiệm, liếc mắt ngó người trong tiệm, còn

KIÊM - HIỆP TIỂU - THUYẾT
do Thân-Văn
◆ Nguyễn-văn-Quý ◆
dịch truyện :
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

— Ngài có phải tên Friedisch chăng ? Chào ngài ! Té ra ngày nay bằng-hữu lại bắt bằng-hữu à ?

— Chào ngài, tôi là Friedisch.

— Tôi có cần phải giao thanh-kiếm cho ngài chăng ? Xin ngài biết rằng thanh-kiếm của tôi nặng lắm, ngài hãy để cho tôi mang tới đền Louvre rồi tôi sẽ giao cho. Tôi đi đường mà không đeo kiềm thì coi không được, còn nếu ngài đeo hai thanh-kiếm thì càng coi không được hơn nữa.

— Nhà vua không có bảo tôi lấy kiềm của ngài, ngài cứ giữ lấy.

— Bệ-hạ thật là rộng lượng. Thôi, đôi ta cùng đi.

Đọc rằng, Friedisch là người ít nói nên làm thinh, còn D'Artagnan mắc lo-nghĩ nhiều chuyện quá nên cũng không nói. Từ cửa hàng Planchet lại đến Louvre, đi độ mười phút thì tới. Bấy giờ trời đã tối.

Friedisch dắt nhà hiệp-sĩ vào ngự-tiền văn-phòng, rồi bài chèo, trở ra.

D'Artagnan chưa kịp nghĩ tại làm sao Friedisch không lấy thanh-kiếm của ngài thì cửa phòng bỗng mở và nội-thị kêu tên ngài, mời vào.

Hiệp-sĩ thun-dung bước vào, thấy nhà vua ngồi trước bàn viết và đang viết. Nhà vua nghe tiếng giày của hiệp-sĩ nhưng cứ tiếp viết, không ngó lại. D'Artagnan đi tới giữa phòng, thấy vua không để ý tới mình, biết vua cố ý làm vậy, bèn xây lưng về phía nhà vua, đứng ngó cùng trong phòng, và từ nói : « A, người muốn làm nhục ta mà không nhớ rằng ta thấy người lúc người còn thơ-bé, ta cứu người cũng như cứu con ta, ta phụng-thờ người không khác phụng-thờ Đức Chúa-Trời, nghĩa là phôi gan trái mắt vì người

chàng kẻ chết công... Khoan, khoan, rồi đây người sẽ thấy cách hành-dộng của một người "à thì Tề-trương như rom-rắc".

Khi ấy nhà vua dạy lại hỏi :
 — Trung-ý D'Artagnan có ở đó ?
 D'Artagnan cũng xây lại :
 — Tàu bè-hạ, thần đây.
 — Vậy Khanh hãy chờ trăm con số này một chút.

D'Artagnan không trả lời nhưng nghiêng mình thì lễ vâng :
 — Cũng là có lẽ, ta không có điều chi phàn-nàn.

Vừa nghĩ thì lại thấy nhà vua cầm viết gạch một làn mạnh trên giấy và liệng cây viết, lộ sắc giận.

D'Artagnan lại nói làm-thăm : « Được, người cứ giận đi, càng dễ cho ta nói chuyện. Ngày trước ở thành Blois, ta nói chưa hết lời ».

Nhà vua đứng dậy, lấy tay sờ trán, rồi bước tới trước mặt D'Artagnan, ngó vói nét vẻ vừa nghiêm-nghị vừa kiêu-hông :

— Chắc có lẽ Khanh hay rằng Tề-trương đã chết.

— Tàu bè-hạ, thần có nghe mà chưa tin.

— Vậy thì Khanh biết rằng trăm là chủ ở trong Hoàng-cung này ?

— Tàu bè-hạ, cũ chuyện bè-hạ làm chủ ở Hoàng-cung không phải là mới bắt đầu từ khi Tề-trương chết. Mình ở nhà của mình thì làm chủ lúc nào lại không được ?

— Phải rồi, nhưng Khanh có nhớ mấy lời Khanh nói với trăm rồi còn ở thành Blois chăng ?

D'Artagnan suy nghĩ : Ta nghĩ không lầm, nhà vua đã nhập đề rồi đây. Không sao, vậy mới biết rằng trí-dộ của ta còn khá lắm.

Nhà vua nói :
 — Sao Khanh không trả lời ?
 — Tàu bè-hạ, thần trước thần nhớ...
 — Khanh tưởng mà thôi chứ không nhớ chắc à ?

— Tàu bè-hạ, vì lâu quá thần không nhớ cho chắc.

— Nếu Khanh không nhớ thì trăm nhớ. Khanh có nói với trăm như vậy, hãy lắng tai nghe cho rõ.

Tàu bè-hạ, thần sẽ vạch tai ra nghe, vì câu chuyện này thần rất chú-ý vậy.

Nhà vua liếc mắt ngó hiệp-sĩ một lần nữa. Hiệp-sĩ đứng chờ nghe nhà vua nhắc chuyện cũ, tay vuốt lông nón và vuốt râu, sắc-diện như thường không chút chi sợ-sệt.

Nhà vua tiếp nói :
 — Khi Khanh từ-chức ấy, Khanh đã nói hết sự thật, phải chăng ?
 — Tàu bè-hạ, phải.
 — Nói sự thật, nghĩa là Khanh đã bày-tỏ những chuyện mà Khanh tưởng rằng thật về ý nghĩ và sự hành-dộng của trăm.

Ấy cũng là xứng đáng đã. Trước hết Khanh nói rằng Khanh phụng sự cung-quyển từ ba mươi bốn năm, và Khanh đã một.

— Tàu bè-hạ thần có nói.

— Khanh lại thú thật rằng cái sự mệt-nhoc kia chỉ là một cái cơ thôi, mà sự bất-bình mới chính là nguyên-nhân việc từ-chức.

— Tàu bè-hạ, thần bất-bình thật, nhưng nói bất-bình không biểu lộ ra một lúc nào hay là một chỗ nào ? Những lời mà thần lấy lòng thành nói với cùn: bè-hạ, thần giữ kín trong tâm, cho đến đời không dám tường tới khi đứng trước mặt một kẻ khác.

— Khanh chờ nên chữa lỗi và bây nghe trăm nói đây. Khanh phiến mà tờ lòng bất-bình thì trăm có bảo Khanh chờ, phải vậy chăng ?

— Tàu bè-hạ, đúng như vậy.

— Khanh lại nói : « Chờ ngày sau à, không được, thần muốn liền bây giờ đây... » Câu trả lời ấy rất tự-nhiên, nhưng trăm trách Khanh không có nhơn-tình chi với trăm cả.

— Tàu bè-hạ, nhơn-tình như thế nào ? Thần là mặt-tướng, còn bè-hạ là kim-chỉ ngọc-diệp kia mà !

— Khanh hiểu trăm nhiều, Khanh lại biết trăm cần nhơn-tình, biết trăm không phải là chưa lúc bấy giờ. Khanh còn biết trăm rất hy-vọng nơi tương-lai. Ấy vậy mà khi trăm nói tới tương-lai, Khanh lại xin nạp liền chực-tước.

— Tàu bè-hạ, quả vậy.

— Trong lúc trăm ở vào cảnh nguy, Khanh không phủ-trợ trăm.

D'Artagnan ngược mặt lên, đáp :
 — Tàu bè-hạ, thần không phủ-trợ Bè-hạ lúc nguy, mà thần cũng không có phản Bè-hạ. Thần đã đổ máu vô ích, thần giữ ngoài cửa không khác một con chó giữ nhà, mặc dầu biết rằng không ai liệng bánh mì, liệng xương cho thần.

Bè-hạ nghèo, thần cũng nghèo, cạo nên thần chỉ xin có một điều, là cho thần từ-chức, ngoài ra không yêu-cầu ơn-nuệ chi khác.

— Trăm biết Khanh là một người can-dảm anh-hùng, nhưng bây giờ trăm còn cho-ầu, đáng lẽ Khanh phải vì lòng trăm... Khanh có sự chi trách trăm ? Có phải là tại trăm bỏ vua Charles II mà không cứu-giúp chăng ?... Nói cho tới nữa... có phải là tại trăm không-thành hôn với tiểu-tho Mancini chăng ?

(Còn nữa)

DO PHONG GI

Sanh nhức mắt, đau lưng, tê bại, sưng, ngứa ngám, mề-dại, ghê-lạc. Uống TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUỖN của Nhà thuốc « HAY » Cánh-thơ. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xổ. Đản bà sanh con có phong đẹn ghê nuôi không đặng, uống đuôi phong sau sanh con nuôi đặng. Mua lẻ từ 5\$00 khỏi chịu tiền gởi. Giá: 1\$80 Không ký thai. — Cần mỗi chỗ một Đại-lý.

Tổng Đại-lý: { Saigon: Antonco, 18 Galliéri
 { Rachgiá; Ngọc-Hiển

Lễ khuyên nông

(Tiếp theo trang 2)

lớn dần thấy làng cũng Thần-nông không được long trọng, họ mới trần thiết lễ riêng mà cúng trong điền của họ, mỗi năm cúng cùng Thượng-diên Hạ-diên như-làng.

Từ rày lễ cúng Thần-nông đã nhữ định cúng chung một ngày: rằm tháng ba. Mả ý nghĩa ngày lễ ấy chẳng những để cho nông-gia có dịp truy-niệm công-đức của vị thần là nghề nông mà thôi, mà lại còn khuyến-hướng sự mần-cần của nông-dân và thí-nghiệm cách-thức cải-lương để mần-chăn-hưng nông-nghiệp cho xứ sở.

Vả lễ Khuyến-nông gồm đủ hai chủ-hướng là giáo và kinh-lễ. Thế thì trong-lai của nông-nghiệp chưa nhiều hi-vọng, ít từ nay chắc sẽ phát triển mau lẹ, phát triển nơi thế-thức tân-kỹ và với linh-thần đạo-nghĩa luôn một lượt.

HỒ-VÂN-TRUNG

GIÁ BẢO

Kể từ ngày 1^{er} Janvier 1944
 N. K. T. B.

Mỗi số	0 \$ 30
3 tháng	4 00
6 tháng	8 00
1 năm	15 00
Công-sở một năm	24 00

D. V. T. C.

Mỗi số	0 \$ 40
Ba tháng	2 50
6 tháng	5 00
1 năm	9 00
Công-sở một năm	15 00

N. K. T. B. và D. V. T. C.
 (mua chung) Một năm 22 \$ 00

RỌI KIẾN (Rayon X)

Phôi, tim, bao-tử, ruột...

Docteur: LÉ-VAN-NGON
 CANTHO

PHƯƠNG THUỐC HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn làng. Nó trị-bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiệt nặng như tiếng tắc, mệt và nóng lạnh liên-miễn, tôi cho uống thì chỉ bớt trong một lúc, không hết; chờ còn bệnh ho chưa thiệt nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho phong vân... vân... thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phôi lúc ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn đặc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia nhảm mỗi ve uống một tuần thì giá 14 \$ 00. Tùy bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn mền áo và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có e ở trong toa). Trong ộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuận trường đuôi đàm trong phổi ra đại trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư kể rõ bệnh, để: Gởi Monsieur NGUYỄN-VAN-SÁNG
 Ctre R: 1 vụ Hương giáo làng Tân-Quoi
 Boite postale n° 10 (CANTHO)

NOTA. — Thừa quý ông, quý bà! Số thuốc dự trữ cuối tháng chạp Annam thì hết. Bỏ thuốc mới tinh nhảm mỗi ve mắc hơn trước 2\$ 00, tức là 14\$00. Vậy đầu năm Annam mới hợp thì h 14\$00.

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
 Sucre en morceaux
 Sirop pur sucre
 Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
 Direction générale à HIỆP-HÒA CHOLON